

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS GIA THUY



ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2021 – 2022

KHỐI 7

Hà Nội, tháng 4 năm 2022

LỊCH KIỂM TRA CUỐI KỲ II KHỐI 7
NĂM HỌC 2021 – 2022

(Kèm theo KH số: ngày 31 tháng 3 năm 2022)

Thời gian thực hiện:

Khối 7 bắt đầu kiểm tra học kỳ II từ ngày 19/4/2022 đến 29/4/2022

Thứ/ngày	Môn	Khối	Tiết	TG làm bài	Ghi chú
Ba (19/4)	GDCD	7	2	45 phút	Môn: TD, MT, AN khối 7 Giáo viên dạy sắp xếp kiểm tra theo TKB từ ngày 19/4/2022
Tư (20/4)	Địa lý	7	2	45 phút	
	Tin	7	3	45 phút	
Năm (21/4)	CN	7	3	45 phút	
Sáu (22/4)	Sử	7	2	45 phút	
Hai (25/4)	Sinh	7	3	45 phút	
Ba (26/4)	Lý	7	3	45 phút	
Tư (27/4)	Anh	7	2	45 phút	
Năm (28/4)	Toán	7	1,2	90 phút	
Sáu (29/4)	Văn	7	1,2	90 phút	

Mục lục

1. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN TOÁN.....	1
2. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN THỂ DỤC.....	5
3. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN GD&ĐT.....	6
4. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN CÔNG NGHỆ	8
5. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN VẬT LÝ	10
6. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN TIẾNG ANH	13
7. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN NGỮ VĂN	15
8. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN ĐỊA LÝ	17
9. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN TIN HỌC.....	19
10. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN SINH HỌC	22
11. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN ÂM NHẠC	23
12. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN LỊCH SỬ	24
13. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN MỸ THUẬT.....	26

MÔN TOÁN**I. Mục đích, yêu cầu:****1. Kiến thức:**

- Đại số: ôn tập các kiến thức về biểu thức đại số, đơn thức, đa thức. Các phép toán cộng, trừ đa thức. Nghiệm của đa thức.

- Hình học: Ôn tập các kiến thức về các trường hợp bằng nhau của tam giác, tổng ba góc trong tam giác. Ôn tập quan hệ góc, cạnh đối diện trong tam giác, các đường đồng quy trong tam giác.

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng tính toán, kỹ năng vẽ hình, suy luận, trình bày lời giải.

3. Thái độ: cẩn thận, chính xác.

4. Phát triển năng lực: Giải quyết vấn đề, sáng tạo, giao tiếp, thực hành hợp tác

II. Phạm vi ôn tập:

- Đại số: các kiến thức của chương IV: biểu thức đại số.

- Hình: các kiến thức của nửa cuối chương II và chương III.

III. Một số bài tập cụ thể:**A. LÝ THUYẾT****I. ĐẠI SỐ:**

1. Thế nào là một biểu thức đại số? Cách tính giá trị một biểu thức đại số.

2. Thế nào là một đơn thức, một đa thức? Cách xác định bậc của đơn thức, đa thức? Nêu cách nhân hai đơn thức?

3. Thế nào là hai đơn thức đồng dạng? Nêu cách cộng, trừ hai đơn thức đồng dạng?

4. Nêu cách cộng, trừ hai đa thức. Nghiệm của đa thức một biến.

II. HÌNH HỌC

1. Phát biểu định lý về tổng ba góc của một tam giác, tính chất góc ngoài của tam giác.

2. Phát biểu định lý quan hệ giữa ba cạnh của một tam giác, bất đẳng thức trong tam giác.

3. Phát biểu định lý quan hệ giữa góc và cạnh đối diện trong tam giác.

4. Phát biểu các định lý quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên, đường xiên và hình chiếu.

5. Phát biểu các trường hợp bằng nhau của hai tam giác, của hai tam giác vuông.
6. Nêu định nghĩa, tính chất các đường đồng qui của tam giác.
7. Nêu định nghĩa, tính chất, dấu hiệu nhận biết tam giác cân; tam giác đều ; tam giác vuông; tam giác vuông cân.
8. Nêu định lý Pitago.

B. BÀI TẬP**I. ĐẠI SỐ:****Dạng 1: Tính giá trị biểu thức**

Tính giá trị của mỗi biểu thức sau:

1) $A = 3x^2 - 2x + 1$ tại $x = -1$

3) $C = 3x^2 - 5x - 8$ tại $|x| = 1$

2) $B = \frac{1}{5}(xy)^3 \cdot \frac{2}{3}x^2$ tại $x = 2; y = -1$

4) $D = \frac{1}{2}x^2y - 2xy^2 + 1$ tại $x = 1; y = -1$

Dạng 2: Cộng, trừ đơn thức, đa thức:

Bài 1: Thu gọn các đơn thức sau rồi tìm bậc, hệ số của các đơn thức đó.

1) $A = -\frac{1}{3}x^2y \cdot 2xy^3$

2) $B = \frac{1}{3}xy^2 \cdot (-\frac{3}{4}yz)$

3) $C = (-\frac{3}{5}x^3y^2z)^3$

4) $D = \frac{1}{5}(xy)^3 \cdot \frac{2}{3}x^2$

5) $E = x^3 \cdot (-\frac{5}{4}x^2y) \cdot (\frac{2}{5}x^3y^4)$

Bài 2: Cho hai đa thức:

$$P(x) = x^2 + 5x^4 - 3x^3 + x^2 + 4x^4 + 3x^3 - x + 5$$

$$Q(x) = x - 5x^3 - x^2 - x^4 + 4x^3 - x^2 + 3x - 1$$

a) Thu gọn và sắp xếp các đa thức trên theo lũy thừa giảm của biến.

b) Tính $P(x) + Q(x)$ và $P(x) - Q(x)$.

Bài 3: Cho hai đa thức:

$$f(x) = 2x^2 - 3x + x^3 - 4 + 6x - x^3 - 1$$

$$g(x) = 3 - 2x^3 + 1 - x + 2x^3 + x^2 + 3x$$

a) Thu gọn và sắp xếp các đa thức trên theo lũy thừa giảm của biến.

b) Tìm đa thức $h(x)$ sao cho $h(x) = f(x) - g(x)$

c) Tính $h(2); h(-2)$

Bài 4: Cho hai đa thức: $f(x) = x^3 - 2x^2 + 7x - 1; g(x) = x^3 - 2x^2 - x - 1$

a) Tính $f(x) - g(x)$ và $f(x) + g(x)$

b) Tìm nghiệm của đa thức $f(x) - g(x)$

c) Tính giá trị của biểu thức $f(x) + g(x)$ tại $x = -\frac{3}{2}$

Bài 5: Cho đa thức: $f(x) = 2x^6 + 3x^2 + 5x^3 - 2x^2 + 4x^4 - x^3 + 1 - 4x^3 - x^4$

a) Thu gọn đa thức $f(x)$

b) Tính $f(-1)$; $f(1)$

c) Chứng tỏ rằng đa thức $f(x)$ không có nghiệm

Dạng 3: Tìm nghiệm của đa thức:

Bài 1: Tìm nghiệm của các đa thức sau:

- | | | | |
|-----------------------|------------------------|---------------|------------------------|
| a) $3x - 12$ | b) $5x - \frac{1}{3}$ | c) $7 - 2x$ | d) $-6x + 18$ |
| e) $2x - \frac{1}{3}$ | f) $-6x + \frac{2}{3}$ | g) $3x + 2,1$ | h) $-\frac{2}{3}x - 3$ |

Bài 2: Tìm nghiệm của các đa thức sau:

- | | | |
|-----------------------|----------------------|--|
| a) $(x - 2)(x + 7)$; | b) $(5x + 5)(x - 3)$ | c) $x^2 - 16$ |
| d) $4x^2 - 1$ | e) $x(x + 2)(x - 4)$ | f) $5\left(\frac{x}{2} - 5\right)\left(x + \frac{1}{4}\right)$ |

II. HÌNH HỌC:

Bài 1: Cho $\triangle ABC$ có $A = 90^\circ$; đường phân giác BE ($E \in AC$). Kẻ EH vuông góc với BC ($H \in BC$). Gọi K là giao điểm của AB và HE . Chứng minh:

- a) $\triangle ABE = \triangle HBE$;
- b) BE vuông góc với AH ;
- c) $AE < EC$

Bài 2: Cho tam giác ABC cân tại A , trung tuyến BM , CN cắt nhau tại G . Chứng minh:

- a) $BM = CN$
- b) $\triangle GBC$ cân
- c) AG vuông góc với BC .

Bài 3: Cho tam giác ABC vuông tại A , trung tuyến AM . Trên tia đối tia MA lấy điểm D sao cho $MD = MA$. Chứng minh:

- a) $CD = AB$; $CD \parallel AB$
- b) $\triangle ABC = \triangle CDA$
- b) $AM = \frac{1}{2} BC$.

Bài 4: Cho $\triangle ABC$ có $AB < AC$. Phân giác AD . Trên tia AC lấy điểm E sao cho $AE = AB$.

- a) $BD = DE$.
- b) Gọi K là giao điểm của các đường thẳng AB và ED . Chứng minh: $\triangle DBK = \triangle DEC$.
- c) Chứng minh: $BE \parallel KC$.
- d) $\triangle AKC$ là tam giác gì?
- e) M là trung điểm của KC . Chứng minh : A, D, M thẳng hàng.

III. BÀI TẬP THAM KHẢO

Bài 1: Cho biểu thức $P = \frac{3a-b}{2a+7} + \frac{3b-a}{2b-7}$ (với $a \neq -3,5$ và $b \neq 3,5$).

Tính giá trị của P biết $a - b = 7$

Bài 2: Cho đa thức một biến $P(x) = ax^2 + bx + c$ (với $a; b; c$ là hằng số) thỏa mãn:

$5a - 3b + 2c = 0$. Chứng minh: $P(-1).P(-2) \leq 0$.

Bài 3: Cho $f(x) = ax^2 + bx + c$. Biết $13a + b = 0$. Hỏi $f(10).f(-3)$ có thể là số âm không?

Bài 4: Cho đa thức $f(x)$ thỏa mãn điều kiện: $x.f(x+2020) = (x + 2021).f(x)$

Chứng minh: đa thức $f(x)$ có ít nhất 2 nghiệm là 0 và (-2020) .

-----*Chúc các con ôn tập thật tốt!* -----

MÔN THỂ DỤC

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nắm vững kiến thức về kỹ thuật bước bộ trên không.

2. Kỹ năng:

- Thực hiện kỹ thuật bước bộ trên không.

3. Thái độ:

- Tác phong nhanh nhẹn, tự giác tích cực trong học tập, tính đoàn kết tập thể.

4. Phát triển năng lực:

- HS phát huy được tính chủ động, tích cực, phát triển năng lực vận động, tư duy động tác và biết vận dụng vào thực tế để tập luyện trên lớp cũng như ở nhà.

II. PHẠM VI ÔN TẬP

- Nội dung ôn tập kỹ thuật bước bộ trên không từ tiết 58 đến tiết 66.

III. NỘI DUNG ÔN TẬP

A. Lý thuyết:

- Phân tích các giai đoạn trong kỹ thuật bước bộ trên không

B. Bài tập:

- Thực hiện kỹ thuật bước bộ trên không

----- *HẾT* -----

MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

I. Mục đích yêu cầu:

1. Kiến thức:

Học sinh nắm vững kiến thức các nội dung đã học, các bài học giáo dục đạo đức, giáo dục pháp luật

2. Kỹ năng:

- HS có kỹ năng trả lời câu hỏi, làm bài tập thực hành, bài tập trắc nghiệm, xử lý tình huống
- Biết vận dụng kiến thức đã học để tự rèn luyện bản thân, chấp hành những quy định của pháp luật

3. Thái độ:

- HS có thái độ học tập, ôn tập nghiêm túc
- Tôn trọng, chấp hành nội quy của Nhà trường, pháp luật của Nhà nước

4. Hình thành và phát triển năng lực:

- Năng lực chung: năng lực tự học, năng lực công nghệ thông tin, năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo...
- Năng lực chuyên biệt:
 - + Tự nhận thức, điều chỉnh hành vi thể hiện nghĩa vụ với các phạm trù đạo đức và pháp luật.
 - + Tự chịu trách nhiệm và thực hiện trách nhiệm với các phạm trù đạo đức và pháp luật.
 - + Giải quyết các vấn đề thực tiễn về các phạm trù đạo đức và pháp luật.

II. Phạm vi ôn tập: Ôn từ bài 16 đến bài 18.

III. Một số bài tập cụ thể:

- Làm các dạng bài tập trắc nghiệm
- Bài tập tự luận
- Vận dụng các kiến thức đã học để xử lý các bài tập tình huống

Bài 1: Nêu trách nhiệm của công dân đối với bộ máy Nhà nước cấp cơ sở (xã, phường, thị trấn). Cho bốn ví dụ về việc mà em và gia đình đã liên hệ với các cơ quan hành chính nhà nước ở xã (phường, thị trấn) nơi em ở để được giải quyết.

Bài 2: Vì sao nói Nhà nước ta là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân?

Bài 3: Em hiểu thế nào là mê tín dị đoan? Theo em, trong học sinh hiện nay có hiện tượng mê tín dị đoan không? Cho ví dụ. Theo em, làm cách nào để khắc phục hiện tượng đó.

Bài 4: Bộ máy nhà nước Việt Nam gồm những loại cơ quan nào? Cơ quan nào là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất? Vì sao?

Bài 5: Trong cuộc sống, em cần phải làm gì và vận động cha mẹ cùng mọi người trong gia đình làm gì để góp phần xây dựng nhà nước ở cơ sở? Cho bốn ví dụ về việc mà em và gia đình đã liên hệ với các cơ quan hành chính nhà nước ở xã (phường, thị trấn) nơi em ở để được giải quyết.

Bài 6: Ở lớp 7A1 có một số bạn nói rằng, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân đều là một, vì ở nhiều nơi hai cơ quan này đều có chung một trụ sở làm việc.

Theo em, ý kiến trên có đúng không? Vì sao?

Bài 7: Huỳnh và Phong tranh luận với nhau:

- Huỳnh: Theo tớ, Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp là hai cơ quan khác nhau.

Phong: Tớ thì cho rằng, Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp đều do nhân dân bầu ra, nên không có sự phân biệt.

Theo em, ý kiến của Huỳnh hay Phong là đúng? Vì sao?

--- HẾT---

MÔN CÔNG NGHỆ 7

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Nêu ý nghĩa của việc bảo vệ và khoanh nuôi rừng. Liên hệ những biện pháp cụ thể trong việc bảo vệ rừng ở nước ta.
- Xác định được vai trò và nhiệm vụ phát triển chăn nuôi.
- Chỉ ra được đặc điểm về giống vật nuôi, sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi.
- Trình bày được một số phương pháp chọn lọc và quản lí giống vật nuôi, nhân giống vật nuôi.
- Xác định được các loại thức ăn vật nuôi, vai trò thức ăn đối với vật nuôi.
- Nêu được các cách chế biến, dự trữ và sản xuất thức ăn cho vật nuôi.

2. Kỹ năng:

- Vận dụng các kiến thức vào thực tế, giải thích các nội dung liên quan.

3. Thái độ

- HS có thái độ chăm chỉ, nghiêm túc trong ôn tập.

4. Phát triển năng lực

- Phát triển năng lực tư duy, năng lực giải quyết vấn đề

II. PHẠM VI ÔN TẬP

- Phần 2: Lâm Nghiệp
- Phần 3: Chăn nuôi

III. NỘI DUNG ÔN TẬP

A. Lý thuyết:

- Ôn lại kiến thức đã học các bài 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 37, 38, 39, 40 SGK Công nghệ 7

B. Bài tập: Tham khảo một số bài tập sau:

I. Bài tập trắc nghiệm:

Câu 1: Có mấy loại khai thác rừng?

- A. 1 loại B. 2 loại C. 3 loại D. 4 loại

Câu 2: Khai thác trắng là:

A. Chặt cây yếu, sâu bệnh.

B. Chặt cây trong 3, 4 năm.

C. Chỉ chặt cây to.

D. Chặt toàn bộ cây rừng.

Câu 3: Thức ăn thô là thức ăn có hàm lượng xơ lớn hơn

A. 20%

B. 25%

C. 30%

D. 35%

Câu 4: Rau muống thuộc nhóm thức ăn:

A. Thức ăn thô

B. Giàu prôtêin

C. Giàu glucit

D. Giàu đạm

Câu 5: Có mấy phương pháp nhân giống vật nuôi?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 6: Muốn có giống vật nuôi thuần chủng thì ta ghép?

A. Lợn Í - Lợn Í

B. Lợn Í - Lợn Đại Bạch

C. Bò Hà Lan - Bò Vàng

D. Lợn Í - Lợn Landrat

Câu 7: Nguồn gốc của thức ăn vật nuôi gồm mấy loại?

A. 2 loại

B. 3 loại

C. 4 loại

D. 5 loại

Câu 8: Trâu, bò thường ăn thức ăn có nguồn gốc từ đâu?

A. Chát khoáng

B. Động vật

C. Thức ăn hỗn hợp

D. Thực vật

Câu 9: Có mấy phương pháp chế biến thức ăn vật nuôi?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

Câu 10: Sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi chịu ảnh hưởng của:

A. Đặc điểm di truyền

C. Đặc điểm di truyền, biện pháp chăm sóc, nuôi dưỡng

B. Chế độ nuôi dưỡng

D. Các biện pháp chăm sóc vật nuôi

II. Bài tập tự luận:

Bài 1: Nêu ý nghĩa của việc bảo vệ và khoanh nuôi rừng? Liên hệ những biện pháp cụ thể trong việc bảo vệ rừng ở nước ta?

Bài 2: Nêu khái niệm về sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi? Cho ví dụ về sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi? Các yếu tố tác động đến sự sinh trưởng và phát dục của vật nuôi là gì?

Bài 3: Nêu khái niệm chọn giống vật nuôi? Trình bày các phương pháp chọn giống vật nuôi? Nêu đặc điểm nhận dạng giống lợn Landrat?

Bài 4: Thức ăn của vật nuôi có những thành phần dinh dưỡng nào? Nêu vai trò của thức ăn đối với cơ thể vật nuôi? Nêu mục đích của chế biến và dự trữ thức ăn. Kể tên một số phương pháp chế biến thức ăn vật nuôi.

----- HẾT -----

MÔN VẬT LÝ 7

A. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

Kiểm tra và đánh giá nắm kiến thức của HS về chương Điện học: Vật nhiễm điện, dòng điện, nguồn điện, tác dụng của dòng điện, cường độ dòng điện, hiệu điện thế.

2. Kỹ năng

Kiểm tra đánh giá kỹ năng trình bày của học sinh, kỹ năng vận dụng kiến thức để làm bài tập, kỹ năng liên hệ thực tế.

3. Thái độ

Có thái độ nghiêm túc, trung thực, cẩn thận, tỉ mỉ khi làm bài, có ý thức vươn lên trong học tập

4. Phát triển năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề.
- Năng lực sáng tạo.
- Năng lực tính toán.
- Năng lực thực nghiệm: năng lực đánh giá kết quả và giải quyết vấn đề.

B. PHẠM VI ÔN TẬP

Chương III: Điện học: Kiến thức về Vật nhiễm điện, dòng điện, nguồn điện, các tác dụng của dòng điện, cường độ dòng điện, hiệu điện thế.

C. NỘI DUNG ÔN TẬP

I. Lý thuyết:

1. Vật nhiễm điện có khả năng gì? Khi nào vật nhiễm điện âm, nhiễm điện dương?
2. Dòng điện là gì? Nêu quy ước chiều của dòng điện ở bên ngoài nguồn điện? Nêu các tác dụng của dòng điện?
3. Nêu ý nghĩa, kí hiệu, đơn vị và dụng cụ đo của cường độ dòng điện?
4. Nêu kí hiệu, đơn vị và dụng cụ đo của hiệu điện thế?
5. Nêu kí hiệu và các chú ý khi sử dụng: ampe kế, vôn kế? Nêu mối liên hệ giữa hiệu điện thế giữa hai đầu vật tiêu thụ điện và cường độ dòng điện chạy qua vật đó?

II. Bài tập: Tham khảo một số bài tập sau:

1. Bài tập trắc nghiệm:

a. Xem lại bài tập trắc nghiệm từ bài 17 đến bài 26 thuộc Chương III: Điện học trong sách bài tập Vật lý 7.

b. Tham khảo thêm một số dạng bài tập:

Câu 1. Có thể làm thước nhựa nhiễm điện bằng cách nào dưới đây?

- A. Áp sát thước nhựa vào một cực của pin.
- B. Áp sát thước nhựa vào một đầu của thanh nam châm.
- C. Hơ nóng nhẹ thước nhựa trên ngọn lửa.
- D. Cọ xát thước nhựa bằng mảnh vải khô.

Câu 2. Cọ xát hai thanh nhựa cùng loại như nhau bằng mảnh vải khô. Đặt một thanh trên trục quay, đưa thanh nhựa kia lại gần thanh thứ nhất thì xảy ra hiện tượng nào dưới đây?

- A. Hai thanh nhựa này đẩy nhau.
- B. Hai thanh nhựa này hút nhau.
- C. Hai thanh nhựa này không hút và không đẩy nhau.
- D. Hai thanh nhựa này lúc đầu đẩy nhau, sau đó hút nhau.

Câu 3. Dòng điện là gì?

- A. Là dòng chất lỏng dịch chuyển có hướng.
- B. Là dòng các nguyên tử dịch chuyển có hướng.
- C. Là dòng các hạt nhân trong các chất dịch chuyển có hướng.
- D. Là dòng các điện tích dịch chuyển có hướng.

Câu 4. Vật nào dưới đây là vật cách điện?

- A. Một đoạn ruột bút chì.
- B. Một đoạn dây thép.
- C. Một đoạn dây nhôm.
- D. Một đoạn dây nhựa.

Câu 5. Dòng điện trong kim loại là gì?

- A. Là dòng chất điện tương tự như chất lỏng dịch chuyển có hướng.
- B. Là dòng các electron tự do dịch chuyển có hướng.
- C. Là dòng các hạt nhân nguyên tử kim loại dịch chuyển có hướng.
- D. Là dòng các nguyên tử kim loại dịch chuyển có hướng.

Câu 6. Chiều dòng điện chạy trong mạch điện kín được quy ước như thế nào?

- A. Cùng chiều kim đồng hồ khi nhìn vào sơ đồ mạch điện kín.
- B. Ngược chiều kim đồng hồ khi nhìn vào sơ đồ mạch điện kín.
- C. Chiều dịch chuyển có hướng của các điện tích âm trong mạch.
- D. Chiều từ cực dương qua dây dẫn và các dụng cụ điện tới cực âm của nguồn điện.

Câu 7. Hoạt động của dụng cụ nào dưới đây dựa trên tác dụng nhiệt của dòng điện?

- A. Điện thoại di động.
- B. Radiô (máy thu thanh).
- C. Tivi (máy thu hình).
- D. Nồi cơm điện.

Câu 8. Hoạt động của dụng cụ nào dưới đây chứng tỏ dòng điện đi qua được chất khí?

- A. Bóng đèn dây tóc.
- B. Bàn là.
- C. Cầu chì.
- D. Bóng đèn của bút thử điện.

Câu 9. Khi cho dòng điện chạy qua cuộn dây dẫn quấn quanh lõi sắt non thì cuộn dây này có thể hút

- A. các vụn nhôm.
- B. các vụn sắt.
- C. các vụn đồng.
- D. các vụn giấy viết.

Câu 10. Tác dụng hóa học của dòng điện khi đi qua dung dịch muối đồng sunfat được biểu hiện ở chỗ

- A. làm dung dịch này nóng lên.
- B. làm dung dịch này bay hơi nhanh hơn.
- C. làm biến đổi màu của hai thỏi than nối với hai cực của nguồn điện được nhúng trong dung dịch này.
- D. làm biến đổi màu thỏi than nối với cực âm của nguồn điện được nhúng trong dung dịch này.

Câu 11. Làm theo cách nào dưới đây khi chú ý tới tác dụng sinh lí của dòng điện?

- A. Không sử dụng bất cứ một dụng cụ điện nào, vì dòng điện có thể gây nguy hiểm tới tính mạng con người.
- B. Sử dụng tùy ý mọi dụng cụ điện, không cần tránh việc dòng điện có thể đi qua cơ thể người.
- C. Chỉ sử dụng dòng điện khi cần chữa một số bệnh.
- D. Sử dụng các dụng cụ điện khi cần thiết và chú ý đảm bảo an toàn về điện.

Câu 12. Ampe kế là dụng cụ dùng để làm gì?

- A. Để đo nguồn điện mắc trong mạch điện là mạnh hay yếu.
- B. Để đo lượng ê lec tròn chạy qua đoạn mạch.
- C. Để đo độ sáng của bóng đèn mắc trong mạch.
- D. Để đo cường độ dòng điện chạy qua đoạn mạch.

Câu 13. Vôn ghi trên nguồn điện có ý nghĩa nào dưới đây?

- A. Là giá trị hiệu điện thế giữa hai cực của nguồn điện khi đang được mắc trong mạch điện kín.
- B. Là giá trị hiệu điện thế giữa hai đầu dụng cụ đang được mắc trong mạch điện kín với nguồn điện đó.
- C. Là giá trị hiệu điện thế giữa hai cực của nguồn điện khi đang được mắc trong mạch điện để hở.
- D. Là giá trị hiệu điện thế định mức mà nguồn điện đó có thể cung cấp cho các dụng cụ điện.

Câu 14. Số vôn ghi trên mỗi bóng đèn hoặc trên mỗi dụng cụ điện có ý nghĩa gì?

- A. Là giá trị của hiệu điện thế giữa hai đầu dụng cụ đó khi có dòng điện chạy qua chúng.
- B. Là giá trị của hiệu điện thế nhỏ nhất được phép đặt vào hai đầu dụng cụ đó.
- C. Là giá trị của hiệu điện thế định mức cần phải đặt vào hai đầu dụng cụ đó để nó hoạt động bình thường.
- D. Là giá trị của hiệu điện thế cao nhất không được phép đặt vào hai đầu dụng cụ đó.

2. Bài tập tự luận

a. Xem lại các bài 18.3; 18.9; 21.7; 25.12; 26.16 thuộc Chương III: Điện học trong sách bài tập Vật lý 7.

b. Tham khảo thêm một số dạng bài tập:

Bài 1: Cọ xát một thanh thủy tinh vào mảnh vải lụa thì thanh thủy tinh nhiễm điện. Hỏi mảnh lụa có nhiễm điện không? Nếu có thì điện tích trên mảnh lụa cùng dấu hay khác dấu với thanh thủy tinh? Vì sao?

Bài 2. Cho mạch điện gồm: Nguồn điện 3pin, hai bóng đèn D_1 và D_2 mắc nối tiếp, 1 ampe kế đo cường độ dòng điện chạy trong mạch điện, 2 vôn kế V_1 , V_2 đo hiệu điện thế ở hai đầu mỗi bóng đèn, 1 công tắc đóng.

- a. Vẽ sơ đồ mạch điện.
- b. Trên bóng đèn 1 có ghi 2V, nêu ý nghĩa con số đó?
- c. Nếu vôn kế V_1 có số chỉ là 2V thì độ sáng của đèn 1 như thế nào?

MÔN TIẾNG ANH

I. CONTENTS

1. Tenses:

- Tenses: the present perfect tense, the present simple tense, the simple past tense, the future simple tense, the future continuous tense, present continuous tense.

2. Structures:

- -ed/-ing adjectives
- Connectors: because, although, despite / in spite of, however, nevertheless
- H/Wh – questions
- Past simple: “used to”
- Passive voice
- Possessive pronouns
- Prepositions
- Tag questions

3. Vocabulary related to the topics: traffic, films, festivals around the world, sources of energy.

4. Phonetics:

- Sounds: /e/, /ei/, /t/, /id/, /d/; and Stress: 2-syllable words, 3-syllable words.

EXERCISES:

WRITTEN TEST

A. Listening

Listen and complete the sentence by choosing A, B, C or D.

B. Phonetics:

- Choose the word whose underlined part is pronounced differently.
- Choose the word whose stress is different from the others.

C. Reading: Read the passage, then choose the best answer

D. Vocabulary and Grammar

- Choose the best answer
- Complete the following sentences with the correct form of the verbs.

E. Writing

- Choose the sentence which has the same meaning as the given one.
- Choose the correct sentence from the words/ phrases given

SPEAKING TEST

1. Talk about the traffic situation in Viet Nam or in the big cities in the world
 - Name of the city.
 - Problem.
 - Solution
2. Talk about your favorite film star, actor or actress you admire.
 - Name
 - Famous for...
 - Her or his career
 - Your feeling
3. Talk about a famous festival around the world.
 - Name
 - What kind of festival is it?
 - Where and when is it held?
 - Why is it held?
 - How do people celebrate it?
4. Talk about the different types of sources of energy.
 - Name of source energy
 - Kind of source energy
 - What is it used for?
 - How to save source of energy?
5. Talk about the means of transport in the future.
 - Name of means of transport
 - What can it do?
 - How will it work?

THE END

MÔN NGỮ VĂN 7

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

Kiến thức phần Văn, Tiếng Việt, Tập làm văn từ tuần 24 đến hết tuần 31.

2. Kỹ năng

- Nhận biết những đơn vị kiến thức tiếng Việt đã học.
- Trả lời câu hỏi đọc hiểu, liên hệ thực tế.
- Tạo lập văn bản: viết bài văn nghị luận chứng minh, giải thích.

3. Thái độ

- Ôn tập hiệu quả
- Làm bài nghiêm túc

4. Phát triển năng lực.

- Trình bày một vấn đề nghị luận dưới dạng văn bản viết
- Phân tích, suy luận, tổng hợp, đánh giá...

II. PHẠM VI ÔN TẬP

1. Văn bản

- *Ý nghĩa văn chương*
- *Sóng chết mặc bay*
- *Ca Huế trên sông Hương*

2. Tiếng Việt

- Chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động
- Dùng cụm chủ vị để mở rộng câu
- Liệt kê
- Dấu câu

3. Tập làm văn: văn nghị luận chứng minh, giải thích

III. NỘI DUNG ÔN TẬP

A. Lý thuyết:

- HS nắm được giá trị nội dung và nghệ thuật các văn bản, tóm tắt, vận dụng giải quyết các bài tập.

- Học thuộc lí thuyết phần Tiếng Việt, vận dụng giải quyết các bài tập.
- Văn nghị luận chứng minh, giải thích; cách làm bài văn nghị luận chứng minh, giải thích.

B. Bài tập tham khảo

Bài 1: Bài tập số 1,2,3 (trang 65 sgk), bài tập trang 69-sgk, bài 2,3 trang 97-sgk

Bài 2: Chỉ ra hai mặt tương phản trong truyện ngắn “Sống chết mặc bay”, phân tích từng mặt trong sự tương phản đó.

Bài 3: Nêu cảm nhận của em về hình ảnh tên quan phụ mẫu trong truyện ngắn “Sống chết mặc bay”.

Bài 4: Vì sao ca Huế là một sản phẩm tinh thần đáng trân trọng, cần được bảo tồn và phát triển?

Bài 5: Xác định và nêu tác dụng của các phép liệt kê trong văn bản “Sống chết mặc bay” và “Ca Huế trên sông Hương”

Bài 6: Viết bài tập làm văn chứng minh tính đúng đắn của các câu sau:

- Ăn quả nhớ kẻ trồng cây
- Một cây làm chẳng nên non/ Ba cây chụm lại nên hòn núi cao
- Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết/ Thành công, thành công, đại thành công.

...

----- *HẾT* -----

MÔN: ĐỊA LÍ**I. MỤC TIÊU:**

- 1. Kiến thức:** Ôn tập, củng cố kiến thức về địa lí châu lục: Châu Đại Dương, châu Nam Cực, châu Âu (tự nhiên, dân cư)
- 2. Kỹ năng:** nhận xét, giải thích.
- 3. Thái độ:** Nghiêm túc, tự giác trong học tập
- 4. Phát triển năng lực học sinh:**
 - Năng lực chung: Trình bày, tư duy, tổng hợp, phân tích.
 - Năng lực chuyên biệt: Giải thích, nhận xét biểu đồ.

II. PHẠM VI ÔN TẬP: Bài 47,48,49,51,52**III. NỘI DUNG ÔN TẬP****A. Lý thuyết:**

- Đặc điểm về tự nhiên châu Đại Dương, châu Âu(vị trí, địa hình, khí hậu, sinh vật).
- Đặc điểm về khí hậu châu Nam Cực.
- Trình bày được các môi trường tự nhiên của châu Âu.
- Trình bày được sự phân bố dân cư của châu Đại Dương.
- Trình bày đặc điểm phát triển kinh tế của châu Đại Dương. Nêu sự khác biệt về kinh tế của Ô-xtrây-li-a và Niu Di-len với các quốc đảo còn lại trong châu Đại Dương.

B. Bài tập tham khảo:**I. Bài tập trắc nghiệm:**

Câu 1: Nhiệt độ thấp nhất đo được ở châu Nam Cực là

- A. -10°C .
- B. -20°C .
- C. $-94,5^{\circ}\text{C}$.
- D. -1000°C .

Câu 2: Loài thực vật đặc trưng ở châu Nam Cực là cây gì?

- A. Xương rồng.
- B. Gỗ lim.
- C. Hoa Lan.
- D. Không có thực vật.

Câu 3: Châu Nam Cực còn được gọi là

- A. cực nóng của thế giới.
- B. cực lạnh của thế giới.
- C. lục địa già của thế giới.
- D. lục địa trẻ của thế giới.

Câu 4: Quần đảo Niu Di-len có khí hậu gì?

- A. Ôn đới.
- B. Hàn đới.
- C. Nhiệt đới.
- D. Lạnh giá quanh năm.

Câu 5: Diện tích của châu Đại Dương là

- A. 263 nghìn km².
- B. 7741 nghìn km².
- C. 853 nghìn km².
- D. 8537 nghìn km².

Câu 6: Thành phố Xit-ni thuộc quốc gia nào?

- A. Niu Di-len.
- B. Ô-xtrây-li-a.
- C. Ai Cập.
- D. Hoa Kỳ.

Câu 7: Châu Đại Dương có một số đảo thuộc chủ quyền của một số quốc gia ở châu lục khác (như:....)

- A. Anh, Pháp, Hoa Kỳ.
- B. Nga, Hoa Kỳ, Hà Lan.
- C. Ai Cập, Nga, Ấn Độ.
- D. Hoa Kỳ, Thái Lan.

Câu 8: Châu Đại Dương có mật độ dân số

- A. cao nhất thế giới.
- B. thấp nhất thế giới.
- C. đứng thứ ba thế giới.
- D. đứng thứ 2 thế giới.

Câu 9: Châu Âu là một bộ phận của lục địa...

- A. Phi.
- B. Á- Âu.
- C. Nam Mỹ.
- D. Nam Cực.

Câu 10: Khu vực Đông Âu có khí hậu gì?

- A. Môi trường ôn đới hải dương.
- B. Môi trường ôn đới lục địa.
- C. Môi trường địa trung hải.
- D. Môi trường núi cao.

II. Bài tập tự luận:

Câu 1 : Trình bày đặc điểm dân cư của châu Đại Dương. Vì sao dân cư châu Đại Dương phân bố không đều?

Câu 2: So sánh sự khác nhau giữa khí hậu ôn đới hải dương và khí hậu ôn đới lục địa, giữa khí hậu ôn đới lục địa và khí hậu địa trung hải.

Câu 3: Nêu đặc điểm khí hậu của châu Nam Cực. Tại sao châu Nam Cực là một hoang mạc lạnh mà vùng ven bờ và trên các đảo vẫn có chim và động vật sinh sống.

----- HẾT -----

MÔN TIN HỌC

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Kiểm tra và đánh giá nắm kiến thức của học sinh về cơ sở dữ liệu, Microsoft PowerPoint.

2. Kỹ năng

- Kiểm tra đánh giá kỹ năng trình bày của học sinh, kỹ năng vận dụng kiến thức để làm bài tập, kỹ năng liên hệ thực tế.

3. Thái độ

- Có thái độ nghiêm túc, trung thực, cẩn thận, tỉ mỉ khi làm bài, có ý thức vươn lên trong học tập

4. Phát triển năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo; năng lực sử dụng ngôn ngữ; năng lực tính toán.

II. PHẠM VI ÔN TẬP

- Bài 11: Khái niệm cơ sở dữ liệu

- Bài 12: Sử dụng Microsoft PowerPoint (Từ phần I đến phần V)

III. NỘI DUNG ÔN TẬP

A. Lý thuyết:

1. Biểu mẫu cho cơ sở dữ liệu (Database Form) là gì?
2. Kể tên và trình bày đặc điểm 2 loại trang web cơ bản.
3. PowerPoint là gì? Kể tên 3 phương pháp phổ biến để tạo bài trình chiếu trong PowerPoint.
4. Kể tên và trình bày đặc điểm các kiểu hiển thị thông tin bài trình chiếu.
5. Trình bày cách chèn thêm Slide mới, cách thay đổi nền của Slide trong PowerPoint.
6. Tính năng kiểm tra chính tả (Spelling) hoạt động như thế nào?

B. Bài tập:

*** Bài tập trắc nghiệm:**

1. *Xem lại các bài tập trắc nghiệm cuối Bài 11: Khái niệm cơ sở dữ liệu và Bài 12: Sử dụng Microsoft PowerPoint sách Tin học quốc tế IC3.*
2. *Tham khảo thêm một số dạng bài tập sau:*

Câu 1: Khi nào bạn có thể muốn tạo một bài trình chiếu mới bằng cách sử dụng một Template?

- A. Để sử dụng các trang trình chiếu trong bài trình chiếu hiện tại, nơi bạn sẽ chỉ cần thay đổi nội dung văn bản khi cần thiết.
- B. Để sử dụng một bài trình chiếu được thiết kế trước như một hướng dẫn về nội dung hoặc cách thức nội dung nên được thiết lập trong bài trình chiếu.
- C. Để lưu một bản sao của màu sắc và thiết kế được sử dụng trong một mẫu mà sau đó bạn có thể sử dụng cho các yêu cầu của riêng bạn.
- D. Để bắt đầu một trình hướng dẫn sẽ hướng dẫn bạn thông qua việc tạo bài trình chiếu từng bước một.

Câu 2: View nào hiển thị các slide theo cách tuyến tính hoặc lưới?

- A. Normal
- B. Outline
- C. Slide Sorter
- D. Read

Câu 3: Layout slide nào được tự động chèn sau khi Layout slide Title?

- A. Title Only
- B. Title and Content
- C. Two Content
- D. Comparison

Câu 4: Tùy chọn nào bạn sẽ sử dụng để thay đổi bố cục của một slide?

- A. New Slide
- B. Insert Slide
- C. Layout
- D. Slide Layout

Câu 5: Chế độ xem nào bạn sẽ sử dụng để sắp xếp lại thứ tự các slide?

- A. Normal
- B. Slide Sorter
- C. Reading View
- D. Slide Show

Câu 6: Nếu bạn thấy một đường đứt nét là đường viền của placeholder văn bản, bạn đang sử dụng chế độ nào?

- A. Chế độ sửa (Edit)
- B. Chế độ chọn (Select)
- C. Chế độ lưu tự động
- D. Tất cả các phương án trên đều sai

Câu 7: Phím nào bạn có thể nhấn để kích hoạt công cụ kiểm tra chính tả cho mọi slide trong bài trình chiếu?

- A. F1
- B. F5

C. F7

D. F10

Câu 8: Đây là phím tắt để lưu bài trình chiếu:

A. Ctrl+F

B. Ctrl+H

C. Ctrl+S

D. Ctrl+O

Câu 9: Đây là phím tắt để mở bài trình chiếu có sẵn:

A. Ctrl+F

B. Ctrl+H

C. Ctrl+S

D. Ctrl+O

Câu 10: Kiểu căn chỉnh văn bản Justify là kiểu căn chỉnh:

A. Căn thẳng lề trái

B. Căn thẳng lề phải

C. Căn thẳng hai lề

D. Căn giữa

----- *HẾT* -----

MÔN SINH HỌC**I. MỤC TIÊU****1. Kiến thức**

- Trình bày đặc điểm đời sống, cấu tạo ngoài, di chuyển của thỏ.
- Phân biệt đặc điểm đời sống, cấu tạo ngoài và nhận biết một số đại diện của các bộ thuộc lớp Thú.
- Phân biệt đặc điểm tiến hóa về sinh sản của các loài sinh vật.
- Xác định mối quan hệ họ hàng của các sinh vật dựa vào cây phát sinh giới động vật.
- Nêu đặc điểm thích nghi về cấu tạo và tập tính của động vật ở đới lạnh và hoang mạc đới nóng. Giải thích vai trò của đặc điểm thích nghi đó.
- Vận dụng kiến thức thực tế đưa ra các biện pháp bảo vệ các loài động vật thuộc lớp Thú.

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng tư duy, so sánh, làm bài tập trắc nghiệm và kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

3. Thái độ: Nghiêm túc, cẩn thận, tự giác khi làm bài.

4. Phát triển năng lực: Năng lực tự học, tư duy, so sánh, vận dụng kiến thức để giải thích hiện tượng thực tế.

II. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA (50% trắc nghiệm, 50% tự luận).

III. PHẠM VI ÔN TẬP

Chương 6: Ngành động vật có xương sống (Lớp Thú).

Chương 7: Sự tiến hóa của động vật (Bài 55, 56).

Chương 8: Động vật và đời sống con người (Bài 57).

IV. MỘT SỐ CÂU HỎI CỤ THỂ

Câu 1: Trình bày đặc điểm đời sống, cấu tạo ngoài và di chuyển của thỏ?

Câu 2: Trình bày đặc điểm đời sống, cấu tạo và nhận biết một số đại diện của bộ Thú huyệt, bộ Thú túi, bộ Dơi, bộ Cá voi, bộ Ăn sâu bọ, bộ Gặm nhấm, bộ Ăn thịt, các bộ Móng guốc và bộ Linh trưởng?

Câu 3: Sự sinh sản hữu tính (thụ tinh, sinh sản, phát triển phôi) và tập tính chăm sóc con (bảo vệ trứng, nuôi con) ở các loài châu chấu, cá chép, ếch đồng, thằn lằn bóng đuôi dài, chim bồ câu, thỏ được thể hiện như thế nào?

Câu 4: Dựa vào sơ đồ cây phát sinh giới Động vật (hình 56.3 SGK trang 183), hãy cho biết:

a. Cá chép có quan hệ họ hàng gần với thằn lằn hơn hay với nhện hơn? Giải thích?

b. Tôm có quan hệ họ hàng gần với châu chấu hơn hay với ốc sên hơn? Giải thích?

Câu 5: Số lượng thú trong tự nhiên đang bị giảm sút nghiêm trọng. Chúng ta cần làm gì để bảo vệ các loài thú?

----- HẾT -----

MÔN ÂM NHẠC**I . Mục tiêu cần đạt****1. Kiến thức:**

- Ôn tập toàn bộ các nội dung Hát và Tập đọc nhạc đã học trong học kì II

2. Kỹ năng:

- Hát đúng lời ca, giai điệu, tiết tấu, thể hiện tốt sắc thái, tình cảm.
- Đọc đúng cao độ, trường độ, gõ đúng phách, thể hiện đúng tính chất nhịp.

3. Thái độ:

- HS có ý thức, nghiêm túc học tập đối với các phân môn của môn học.

4. Phát triển năng lực:

- Hoạt động, hiểu biết, cảm thụ, sáng tạo và ứng dụng âm nhạc.

II. Hình thức ôn tập:

- Thực hiện ôn tập theo PPCT đối với từng phần môn
- Học sinh tự ôn tập tại nhà.

III. Nội dung ôn tập:**1. Nội dung Hát:**

- Đi cắt lúa
- Khúc ca bốn mùa
- Cachiusa
- Tiếng ve gọi hè

2. Tập đọc nhạc: TĐN số 6-7-8-9

----- *HẾT* -----

MÔN: LỊCH SỬ**I. MỤC TIÊU:**

1. Về kiến thức: nhằm kiểm tra những kiến thức:

- Phong trào Tây Sơn.
- Chế độ phong kiến nhà Nguyễn.
- Sự phát triển của văn hóa dân tộc cuối thế kỉ XVIII - nửa đầu thế kỉ XIX.

2. Kỹ năng:

- Đánh giá kết quả học tập của học sinh nhằm điều chỉnh phương pháp dạy và học.
- Đánh giá kiến thức, kỹ năng ở 4 mức độ nhận thức: Nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao của học sinh sau khi học các nội dung sau.

3. Thái độ:

Giúp học sinh có thái độ học tập nghiêm túc và trung thực, đúng đắn trong kiểm tra.

4. Phát triển năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề.
- Tái hiện sự kiện, hiện tượng lịch sử.
- Nhận xét đánh giá, rút ra bài học từ những sự kiện, hiện tượng, vấn đề lịch sử.
- Vận dụng, liên hệ kiến thức lịch sử.

II. PHẠM VI ÔN TẬP:

- Bài 25: Phong trào Tây Sơn.
- Bài 27: Chế độ phong kiến nhà Nguyễn.
- Bài 28: Sự phát triển của văn hóa dân tộc cuối thế kỉ XVIII - nửa đầu thế kỉ XIX.

III. NỘI DUNG ÔN TẬP:

A. Lý thuyết:

B. Bài tập: Tham khảo một số bài tập sau:

I. Bài tập trắc nghiệm:

Câu 1: Chính quyền họ Nguyễn ở Đàng Trong suy yếu dần vào thời gian nào?

- A. Đầu thế kỉ XVIII
- B. Giữa thế kỉ XVIII
- C. Nửa cuối thế kỉ XVIII
- D. Cuối thế kỉ XVIII

Câu 2: Trong triều đình Phú Xuân, ai nắm hết quyền hành, tự xưng “quốc phó”, khét tiếng tham nhũng?

- A. Trương Văn Hạng
- B. Trương Phúc Loan
- C. Trương Phúc Thuận
- D. Trương Phúc Tần

Câu 3: Chiến thắng nào của nghĩa quân Tây Sơn đánh dấu sự thất bại hoàn toàn của quân xâm lược Xiêm vào năm 1785 ?

- A. Chiến thắng ở phủ Quy Nhơn.
- B. Chiến thắng ở thành Gia Định.
- C. Chiến thắng ở Rạch Gầm - Xoài Mút.
- D. Chiến thắng Lạng Giang (Bắc Giang).

Câu 4: Khi quân Tây Sơn giải phóng hầu hết đất Đàng Trong và tiêu diệt lực lượng cốt lõi của chúa Nguyễn, ai là người còn sống sót đã chạy sang cầu cứu quân Xiêm?

A. Nguyễn Kim
C. Lê Chiêu Thống

B. Nguyễn Hoàng
D. Nguyễn Ánh

Câu 5: Nguyễn Ánh lập ra triều Nguyễn từ năm nào và lấy niên hiệu là gì?

A. Năm 1802. Niên hiệu là Gia Long
B. Năm 1803. Niên hiệu là Minh Mạng
C. Năm 1804. Niên hiệu là Thiệu Trị
D. Năm 1805. Niên hiệu là Tự Đức

Câu 6: Vua Gia Long đã cho ban hành bộ luật nào ?

A. Hình thư
C. Luật Hồng Đức.

B. Quốc triều hình luật.
D. Hoàng triều luật lệ.

Câu 7: “Chùa là một công trình kiến trúc đặc sắc, là kiểu thức trang trí cung đình tương tự các lớp mái của các lầu, cửa của kinh thành tạo ra sự tôn vinh cao quý”. Đó là chùa nào?

A. Chùa Một Cột
C. Chùa Tây Phương

B. Chùa Bút Tháp
D. Chùa Thiên Mụ

Câu 8: Cố đô Huế, được xây dựng từ thời vua nào?

A. Vua Gia Long
C. Vua Thiệu Trị

B. Vua Minh Mạng
D. Vua Tự Đức

Câu 9: Nhà bác học lớn nhất của Việt Nam thế kỉ XVIII là ai?

A. Lê Hữu Trác
C. Trịnh Hoài Đức

B. Phan Huy Chú
D. Lê Quý Đôn

Câu 10: Ông là người thầy thuốc có uy tín lớn nhất Việt Nam thế kỉ XIX, ông có tên là gì?

A. Lê Hữu Trác
C. Phan Huy Chú

B. Lê Quý Đôn
D. Ngô Nhân Tịnh

II. Bài tập tự luận:

Câu 1: Lập bảng thống kê các sự kiện lịch sử trong phong trào Tây Sơn (1773-1789).

Câu 2: Trình bày nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của phong trào Tây Sơn. Em hãy đánh giá vai trò của vua Quang Trung đối với lịch sử dân tộc?

Câu 3: Nhà Nguyễn làm gì để lập lại chế độ phong kiến tập quyền?

----- HẾT -----

MÔN MĨ THUẬT**I. MỤC TIÊU**

- 1. Kiến thức:** Biết cách vẽ trang trí hoặc vẽ tranh đề tài
- 2. Kỹ năng:** Vẽ được một bài trang trí đúng nội dung bài học đã cho.
- 3. Thái độ:** Học sinh thêm yêu quý những đồ vật xung quanh , ... và biết vận dụng những kiến thức trang trí vào cuộc sống.
- 4. Phát triển năng lực:**

Năng lực tư duy, năng lực thực hành, năng lực sáng tạo.

II. PHẠM VI ÔN TẬP: Chương trình học kì 2**III. NỘI DUNG ÔN TẬP**

- Vẽ kí họa
- Vẽ mô phỏng 1 tác phẩm mỹ thuật Phục Hưng
- Vẽ tranh đề tài tự chọn
- Vẽ tranh đề tài trò chơi dân gian
- Vẽ trang trí đĩa tròn

----- HẾT -----

Ngày 12 tháng 4 năm 2022

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Hải Vân